

KẾ HOẠCH

Thực hiện dự án “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao bổ sung dự toán chi cho các đơn vị cấp tỉnh; bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố và giao UBND các huyện, thị xã, thành phố đối ứng vốn để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 2924/KH-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh năm 2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện dự án “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống Đài Truyền thanh cơ sở theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông; đảm bảo chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

- Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần làm cho hệ thống Đài Truyền thanh cơ sở tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong công tác thông tin, tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Yêu cầu

Trang thiết bị kỹ thuật được đầu tư đảm bảo phù hợp theo Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trên cơ sở hiện trạng khảo sát, đề xuất của UBND các xã (đối tượng thụ hưởng) và nguồn vốn được phân khai tại Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 26/8/2022, UBND Tỉnh trang cấp 140 thiết bị cụm loa truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (CNTT-VT) cho 06 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và 09 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 trên địa bàn tỉnh và bổ sung 04 bộ Thiết bị tích hợp – Số hóa cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh thành phố Tây Ninh, Đài truyền thanh cấp xã (*đính kèm danh mục và số lượng trang thiết bị phân bổ*), với tiêu chí phân bổ như sau:

- Chỉ đầu tư hệ thống cụm loa truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT-VT;
- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho những xã chưa có hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT-VT;
- Nâng cấp trang thiết bị truyền thanh theo hướng hiện đại, ứng dụng CNTT-VT (mỗi xã có ít nhất 01 cụm/áp) để đảm bảo duy trì Tiêu chí 8 về “thông tin và truyền thông”.

III. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

Thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện: **3.786 triệu đồng** (*Từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 cho ngân sách tỉnh – Kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới năm 2022 tại Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 26/8/2022*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt; tiến hành đầu tư, mua sắm theo đúng quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán kinh phí, giải ngân nguồn vốn đúng thời gian quy định.

- Thực hiện bàn giao cụm loa truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (CNTT-VT) cho các đơn vị được thụ hưởng.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các thủ tục thanh quyết toán có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, giám sát các dự án đầu tư, trang bị, nâng cấp, cải tạo hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn từ nguồn tập trung của tỉnh.

- Chỉ đạo UBND các xã thuộc đối tượng thụ hưởng tiếp nhận, bảo quản, đưa vào vận hành sử dụng đúng mục đích.

4. UBND các xã được trang bị cụm loa truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (CNTT-VT)

Thực hiện tiếp nhận cụm loa truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, bảo quản thiết bị đúng quy định nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện dự án “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022 của UBND tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. / *[Signature]*

Nơi nhận *[Signature]*

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã; thành phố;
- LĐVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Võ Đức Trọng

**DANH MỤC SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ DỰ KIẾN PHÂN BỐ CỤM LOA TRUYỀN THANH THÔNG MINH
ỨNG DỤNG CNTT-VT CHO CÁC XÃ PHÂN ĐẦU, NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2022**

(Đính kèm Kế hoạch số 3448 /KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Danh mục thiết bị tại Đài truyền thanh cấp xã (đối tượng thụ hưởng: UBND xã)

STT	Tên xã/Nội dung	Tân Biên		Tân Châu		DMC		Châu Thành			Hòa Thành	Gò Dầu	Bến Cầu		Trảng Bàng	TP.TN		Tổng
		Tân Lập* (2)	Thạnh Tây* (1)	Tân Hưng (2)	Tân Phú (1)	Chà Là (2)	Lộc Ninh (1)	Thái Bình (2)	Đồng Khởi (1)	Trí Bình (1)	Trường Hòa* (2)	Phước Đông (2)	Long Chũ (2)	Long Giang (1)	Hưng Thuận* (2)	Bình Minh* (2)	Trung tâm VH TT và TP	
	Thiết bị dự kiến đầu tư																	
1	Thiết bị thu phát truyền thanh ứng dụng CNTT-VT bao gồm: cụm thu và phần mềm	5	6	12	12	12	8	12	8	8	4	15	10	8	6	14		140
2	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	10	12	24	24	24	16	24	16	16	8	30	20	16	12	28		280
3	Gói cước 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	5	6	12	12	12	8	12	8	8	4	15	10	8	6	14		140
4	Micro chuyên dụng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		15
5	Bộ tích hợp số hóa	1									1		1				1	4
6	Các thiết bị phụ trợ (dây nguồn, dây tín hiệu, mỗi cụm 20m)	100	120	240	240	240	160	240	160	160	80	300	200	160	120	280		2,800

Ghi chú: (1) Xã Nông thôn mới; (2) Xã Nông thôn mới nâng cao; * Xã đã có hệ thống Cụm loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT

2. Bảng phân bổ thiết bị và kinh phí dự kiến thực hiện

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
I	Thiết bị				
1	Xã Tân Lập – huyện Tân Biên				156,442,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	5	22,300,000	111,500,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	10	1,175,000	11,750,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	5	1,250,000	6,250,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Bộ tích hợp thiết bị - số hóa	Bộ	1	23,772,000	23,772,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	100	11,000	1,100,000
2	Xã Thạnh Tây – huyện Tân Biên				158,790,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	6	22,300,000	133,800,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	12	1,175,000	14,100,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	6	1,250,000	7,500,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	120	11,000	1,320,000
3	Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu				315,510,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	12	22,300,000	267,600,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	24	1,175,000	28,200,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	12	1,250,000	15,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	240	11,000	2,640,000
4	Xã Tân Phú – Huyện Tân Châu				315,510,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	12	22,300,000	267,600,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	24	1,175,000	28,200,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	12	1,250,000	15,000,000

	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cuộn 20m)	Mét	240	11,000	2,640,000
5	Xã Chà Là – huyện Dương Minh Châu				315,510,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	12	22,300,000	267,600,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	24	1,175,000	28,200,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	12	1,250,000	15,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cuộn 20m)	Mét	240	11,000	2,640,000
6	Xã Lộc Ninh – huyện Dương Minh Châu				211,030,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	8	22,300,000	178,400,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	16	1,175,000	18,800,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	8	1,250,000	10,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cuộn 20m)	Mét	160	11,000	1,760,000
7	Xã Thái Bình – huyện Châu Thành				315,510,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Cái	12	22,300,000	267,600,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	24	1,175,000	28,200,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	12	1,250,000	15,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cuộn 20m)	Mét	240	11,000	2,640,000
8	Xã Đồng Khởi – huyện Châu Thành				211,030,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	8	22,300,000	178,400,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	16	1,175,000	18,800,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	8	1,250,000	10,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cuộn 20m)	Mét	160	11,000	1,760,000

9	Xã Trí Bình – huyện Châu Thành				211,030,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	8	22,300,000	178,400,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	16	1,175,000	18,800,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	8	1,250,000	10,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	160	11,000	1,760,000
10	Xã Trường Hòa – Thị xã Hòa Thành				130,322,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	4	22,300,000	89,200,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	8	1,175,000	9,400,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	4	1,250,000	5,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Bộ tích hợp thiết bị - số hóa	Bộ	1	23,772,000	23,772,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	80	11,000	880,000
11	Xã Phước Đông – huyện Gò Dầu				393,870,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	15	22,300,000	334,500,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	30	1,175,000	35,250,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	15	1,250,000	18,750,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	300	11,000	3,300,000
12	Xã Long Chữ – huyện Bến Cầu				287,042,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	10	22,300,000	223,000,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	20	1,175,000	23,500,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	10	1,250,000	12,500,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Bộ tích hợp thiết bị - số hóa	Bộ	1	23,772,000	23,772,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	200	11,000	2,200,000

13	Xã Long Giang – huyện Bến Cầu				211,030,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	8	22,300,000	178,400,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	16	1,175,000	18,800,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	8	1,250,000	10,000,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	160	11,000	1,760,000
14	Xã Hưng Thuận – Thị xã Trảng Bàng				158,790,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	6	22,300,000	133,800,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	12	1,175,000	14,100,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	6	1,250,000	7,500,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	120	11,000	1,320,000
15	Xã Bình Minh – Thành phố Tây Ninh				367,750,000
	Thiết bị thu phát truyền thanh CNTT-VT (bao gồm cụm thu và phần mềm)	Bộ	14	22,300,000	312,200,000
	Loa nén (1 cụm lắp đặt 2 loa)	Cái	28	1,175,000	32,900,000
	Gói cước SIM data 3G/4G của các nhà mạng (3 năm) bao gồm gói dữ liệu cho thuê bao di động 3G/4G (tối thiểu 4Gb/tháng)	Cái	14	1,250,000	17,500,000
	Micro chuyên dụng	Cái	1	2,070,000	2,070,000
	Các thiết bị, vật tư khác: Dây nguồn, dây tín hiệu (mỗi cụm 20m)	Mét	280	11,000	3,080,000
16	Thành phố Tây Ninh (đặt tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh)				
	Bộ tích hợp thiết bị - số hóa	Bộ	1	23,772,000	23,772,000
	Tổng cộng				3,782,938,000